

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 05 - 8 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Phước Hiệu

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Vũ Thị T Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Minh Khuê – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 05 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Trang D, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố 5, phường X1, TP. P, tỉnh Bình Thuận. Hiện tạm trú tại số 68 đường Nguyễn X, khu phố 3, P. X2, TP. P, tỉnh Bình Thuận.

**- Bị đơn:** Ông Võ Văn T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn X3, xã X4, TP. P, tỉnh Bình Thuận.

*Người kháng cáo:* Ông Võ Văn T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo hồ sơ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trang D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Võ Văn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương rồi chung sống với nhau từ năm 2015, có con chung tên Võ Nguyễn K, sinh ngày 14/12/2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đó, do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà D xác định không còn tình cảm với ông T, bà và ông T đã mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Trước đây khi bắt đầu sống ly thân vào ngày 12/10/2017, bà D và ông T đã tự lập bản thỏa thuận về việc nuôi con, theo đó ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng, bà D có quyền thăm nom con. Tuy nhiên bắt đầu từ tháng 4/2021, ông T ngăn cản việc thăm con của bà, bà đã báo sự việc này lên ban điều hành thôn X3, công an xã X4 nhưng ông T vẫn ngăn cản việc thăm con của bà, sự việc cứ thế kéo dài đến nay. Ngoài ra, do ông T đi làm xa nhà, giao con lại cho chị gái chăm sóc nhưng chị gái ông T bị tật và điều kiện môi trường ăn ở không đảm bảo vệ sinh. Do đó, bà D yêu cầu Tòa án giao con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đơn khởi kiện bà yêu cầu phân chia tài sản chung nhưng sau đó đã rút đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà khai không có.

*- Bị đơn ông Võ Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông T đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông và bà D là vợ chồng.

Về con chung: Ông T cho rằng, khi sinh con Võ Nguyễn K thì ông và bà D đã không sống cùng nhau vì thời điểm này ông T chưa giải quyết ly hôn với vợ là Nguyễn Thị Hiền. Ngày 24/3/2016 ông và bà Hiền mới được TAND TP. P ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Trước đây bé K mang họ mẹ. Sau khi có kết quả ADN xác định bé K là con ruột của ông thì ông đã hoàn tất thủ tục đổi họ con từ họ Nguyễn sang Võ Nguyễn K. Ngày 12/10/2017 ông và bà D làm biên bản thỏa thuận về việc “Giao con và giao tài sản là đất - nhà ở”. Ngày 16/12/2017 ông

và bà D hoàn tất việc giao con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông đã giao đủ 500.000.000đồng để bà D dọn đi, giao nhà cho ông. Bắt đầu năm 2018 ông trực tiếp nuôi con, bà D vẫn thăm con bình thường, bà D có lên ngủ với con khi con bệnh. Nay bà D gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết để được trực tiếp nuôi con thì ông không đồng ý vì ông nuôi con tốt, bé học hành bình thường, bé đang học lớp 1A trường Tiểu học X4, công việc của ông ổn định, ông cảm thấy việc ông tiếp tục nuôi con là phù hợp vì ông có đủ điều kiện hơn bà D về mọi mặt.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông khai không có.

*Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trang D về việc “Ly hôn, nuôi con chung”.

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Trang D và ông Võ Văn T là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: ông Võ Văn T giao con chung là Võ Nguyễn K (giới tính: nam), sinh ngày 14/12/2015 cho bà Nguyễn Thị Trang D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Trang D không yêu cầu ông Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không được trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu tranh chấp về tài sản của bà Nguyễn Thị Trang D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, bị đơn Võ Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn ông Võ Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trang D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy trong thời gian ông T nuôi con đã không tạo điều kiện để bà D thực hiện quyền thăm nom con. Hiện tại cháu K bị suy dinh dưỡng và học lực kém phải ở lại lớp 1. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Võ Văn T kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Võ Văn T:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị Trang D đều có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định. Như vậy cả 02 người đều có đủ điều kiện về vật chất để trực tiếp nuôi con. Tại các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Theo thỏa thuận giữa bà D và ông T thì từ cuối năm 2017 đến nay, ông T là người trực tiếp nuôi con, bà D được quyền thăm nom con. Trong khoảng thời gian này, ông T đã có hành vi ngăn cản việc thăm nom con của bà D. Xác minh tại Trường nơi cháu K theo học thể hiện: *Cháu K rụt rè, ít hòa đồng, tiếp thu bài chậm, ít được cha mẹ quan tâm. Việc đưa đón cháu đi học buổi sáng do ông T đưa đi, buổi trưa khi đón về là người thân của ông T tới đón, bà D không được đưa đón con do ông T không đồng ý.* Bà Từ Thị Ngọc Thúy là giáo viên chủ nhiệm lớp 1A trường Tiểu học X4, nơi cháu K đang theo học cũng cung cấp thêm thông tin *“Tôi có hỏi bé là muốn ở với mẹ D không thì bé nói nhớ mẹ, muốn ở và ngủ với mẹ”*. Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2022, cháu Võ Nguyễn K khai *“trước đây lúc con 5 tuổi con hay đi chơi với mẹ D, sau này ít đi chơi với mẹ D vì ba không cho”* và *“Nếu cô xin ba cho con đi chơi với mẹ hôm nay được thì con muốn chơi với mẹ, con muốn ngủ với mẹ nhưng ba không cho nên con không dám đòi”*. Điều đó chứng minh lời khai về việc ông T thường xuyên ngăn cản việc thăm nom con của bà D là có thật. Ngoài ra cũng chứng minh được cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ông T kháng cáo cho rằng: *Năm 2017 bà D thống nhất giao con cho ông T nuôi và nhận từ ông T 500.000.000 đồng, điều đó chứng tỏ bà D đã vì tiền nên mới giao con cho ông nuôi.* Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào biên bản thỏa thuận lập ngày 12/10/2017 thì: Tại khoản 2 Điều 1 thể hiện ...Về đất do ông T và bà D đứng tên chung nhận chuyển nhượng...Về nhà ở: Năm 2015 ông T là chủ đầu tư có sự đóng góp của bà D... Như vậy có căn cứ xác định nhà đất này là tài sản chung của ông T và bà D. Việc hai bên thỏa thuận: Bà D giao nhà đất và quyền nuôi con cho ông T, ông T giao cho bà D 500.000.000 đồng, bà D được quyền thăm gặp con bất cứ lúc nào....Đây là thỏa thuận của hai bên về phân chia tài sản chung và quyền nuôi con trong thời kỳ hôn thực tế. Do đó việc ông T cho rằng bà D vì tiền giao con cho ông nuôi để nhận lấy 500.000.000 đồng là không đúng bản chất sự việc.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà D cung cấp như: các bản ảnh, file ghi âm, đơn xin xác nhận gửi công an xã X4 đề ngày 06/7/2021, đơn trình bày ý kiến đề ngày 06/7/2021 của bà D nhận thấy cháu K có dấu hiệu bị bạo lực khi ở với ông T và việc ông T cản trở bà D thăm nom con là có thật. Đồng thời xét thấy hiện tại ông T đang sống một mình, phải đi làm giờ hành chính và cách xa nhà khoảng 20

km. Bà D tuy có 02 con riêng nhưng đang được cha ruột nuôi dưỡng và chu cấp toàn bộ. Bà D làm việc cho danh nghiệp ngoài nhà nước, thời gian có thể thu xếp được. Do đó xét về toàn diện thì bà D có điều kiện tốt hơn ông T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dạy con. Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm, bà D cung cấp được tài liệu thể hiện cháu K hiện bị suy dinh dưỡng loại I, học lực yếu phải ở lại lớp 1 năm học 2021 – 2022.

Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự nỗ lực của ông T trong nhiều năm qua khi một mình lặn lội với cuộc sống để dạy dỗ, nuôi nấng, chăm sóc cháu K. Tuy nhiên, căn cứ vào hoàn cảnh thực tế, khả năng, điều kiện nuôi con hiện tại của ông T và bà D; Căn cứ vào thể trạng và kết quả học tập hiện tại của cháu K, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu K cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D cam kết nếu được trực tiếp nuôi con, bà sẽ tập trung chăm lo cho cháu K trong thời gian ngắn sẽ phục hồi thể trạng và cải thiện thành tích học tập. Đồng thời bà sẽ luôn tạo điều kiện thuận lợi để ông T được quyền thăm nom, gần gũi, chăm sóc con.

Từ những căn cứ và nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Văn T là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Nếu sau này có căn cứ xác định bà D không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền khởi kiện thay đổi quyền nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 14/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều

57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trang D đối với ông Võ Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Trang D và ông Võ Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Buộc ông Võ Văn T giao con Võ Nguyễn K, giới tính nam, sinh ngày 14/12/2015 cho bà Nguyễn Thị Trang D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu tranh chấp về tài sản của bà Nguyễn Thị Trang D.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trang D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 6.550.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004098 ngày 25/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Trang D số tiền chênh lệch 6.250.000 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009607 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ông Võ Văn T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05/8/2022)./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố P;
- Chi Cục THADS TP. P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

***Trần Phước Hiệu***